

TÌM HIỂU MỘT SỐ QUAN HỆ CHÍNH TRỊ CƠ BẢN CHI PHỐI KHU VỰC ĐÔNG BẮC Á

NGUYỄN THANH HIẾN*

Mặc dù chỉ là một tiểu khu vực nằm trong khu vực Đông Á song Đông Bắc Á lại là một vùng quan trọng và rất phức tạp, bởi nơi đây tập trung nhiều nước lớn. Có lẽ chính vì thế mà các quan hệ quốc tế của Đông Bắc Á, ở một mức độ nào đó là hình ảnh thu nhỏ các quan hệ quốc tế của thế giới, chứa đựng những tính chất, những biến đổi cũng như những xu hướng của quan hệ quốc tế toàn cầu. Đó là những vấn đề, chẳng hạn như quan hệ của các nước lớn sau chiến tranh lạnh, vấn đề thiết lập trật tự quốc tế tại khu vực, hay xu hướng đa cực hoá, xu hướng dùng cơ chế “kiềm chế mềm” để giải quyết các mâu thuẫn...

Khi nghiên cứu các quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á có thể thấy nổi lên hai loại quan hệ là quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực và quan hệ của các quốc gia trong và ngoài khu vực, đồng thời chúng tồn tại chủ yếu dưới hai hình thức là quan hệ song phương và quan hệ đa phương.

Trong quan hệ thuộc loại nội khu vực, đáng chú ý hơn cả là quan hệ của Trung Quốc với Nhật Bản và quan hệ giữa hai miền Bán đảo Triều Tiên. Ở

loại thứ hai (các nước trong với ngoài khu vực), hiện nay thấy nổi lên một số quan hệ đặc biệt, đan chéo, cài lồng; vừa mang màu sắc chính trị lại vừa có màu sắc an ninh; vừa song phương lại có cả trong đa phương, đồng thời có ảnh hưởng và tác động rất lớn đến toàn bộ khu vực. Ở loại này không thể không nói đến quan hệ song phương Nhật-Mỹ, quan hệ song phương Trung Quốc-Mỹ và quan hệ đa phương trong cơ chế đàm thoại 6 bên Trung Quốc - Mỹ - Nga - Nhật - Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (CHDCNDTT) - Hàn Quốc. Quan hệ song phương đặc biệt Nhật-Mỹ được xây dựng trên cơ sở của Hiệp ước an ninh và hợp tác song phương Quan hệ song phương Trung Quốc-Mỹ là một mối quan hệ phức tạp, có tầm quan trọng đặc biệt đối với khu vực, đồng thời tính chất của mối quan hệ này đang có xu hướng vượt ra khỏi tầm khu vực. Quan hệ Trung Quốc-Mỹ còn có yếu tố Đài Loan ngấm ẩn bên trong chứa đựng những nguy cơ tiềm tàng đe dọa đến an ninh của khu vực. Còn quan hệ đa phương 6 bên hiện nay đang được tăng cường do nhu cầu giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên. Ngoài các quan hệ vừa đề cập, trong khu vực Đông Bắc Á còn có những quan hệ song phương và đa phương khác không kém phần quan trọng, chẳng hạn như quan hệ Trung Quốc-

* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

Nga và quan hệ của hai nước này trong Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO) hay quan hệ của Trung Quốc và Nga với Ấn Độ trong quan hệ cấp ba mới mẽ mang tính chất hoàn toàn khác so với thời kỳ chiến tranh lạnh.

Trong khuôn khổ của bài viết này chúng tôi sẽ chỉ đi sâu vào phân tích một số quan hệ có ảnh hưởng chi phối và tác động đặc biệt đến diễn tiến của cục diện chính trị khu vực Đông Bắc Á. Dưới đây sẽ lần lượt tìm hiểu những quan hệ đó sẽ.

1. Quan hệ giữa các nước trong khu vực Đông Bắc Á

a. Quan hệ Nhật - Trung:

Nếu ở góc độ kinh tế mà nhìn nhận thì quan hệ của hai nước này trong những năm qua liên tục có những tiến triển tốt. Năm 2003 thương mại Trung-Nhật đạt 133,6 tỷ USD xét về giá trị tuyệt đối. Nhật Bản hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc và được lợi từ thặng dư thương mại khoảng hơn 13 tỷ USD. Đầu tư của Nhật Bản vào Trung Quốc tăng nhanh, đạt hơn 4 tỷ USD năm 2002¹. Liên tục trong 2 năm 2002 và 2003, Nhật Bản đã trở thành bạn hàng số 1 của Trung Quốc. Năm 2003, hàng xuất khẩu của Nhật Bản sang Trung Quốc, kể cả xuất khẩu trực tiếp và qua đặc khu Hồng Kông chiếm 79% mức tăng trưởng của ngành xuất khẩu Nhật Bản và chiếm 34% tổng kim ngạch xuất khẩu của nước này. Cũng trong 2 năm này Nhật Bản đã tăng mức nhập khẩu từ Trung Quốc lên 13%. Trung Quốc trở thành nhà cung cấp số 1 của Nhật Bản. Hàng hoá của

Trung Quốc chiếm 19% thị trường Nhật Bản². Như vậy, quan hệ kinh tế Nhật-Trung rõ ràng đang mở ra tia hy vọng biến kế hoạch thành lập khu vực hợp tác Đông Á với hai động lực chủ yếu Nhật- Trung thành hiện thực trong tương lai.

Tuy nhiên, nếu nhìn từ góc độ chính trị- an ninh thì quan hệ của hai nước này vẫn chưa hoàn toàn xuôi xẻ, luôn có những thời điểm căng thẳng, chưa cân bằng với quan hệ kinh tế và cũng là lĩnh vực có thể phát sinh ra các yếu tố gây cản trở cho quá trình thành lập khu vực hợp tác Đông Á nói trên.

Hiện nay sức mạnh kinh tế của Trung Quốc chưa bằng Nhật Bản song triển vọng phát triển của Trung Quốc thì ít ai nghi ngờ. Hơn nữa, Trung Quốc vốn đã là nước lớn, hiện nay đang là nước lớn và trong tương lai có nhiều dự báo cho rằng sẽ là nước lớn duy nhất có khả năng thách thức đến vị thế bá quyền của Mỹ. Trung Quốc là nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, là 1 trong 5 tiếng nói quyết định của Hội đồng này đối với các vấn đề quốc tế quan trọng của thế giới. Trong khi đó, Nhật Bản lại bị coi là “người khổng lồ một chân”, thiếu hụt sức mạnh chính trị cần phải có đối với bất kỳ nước lớn nào. Tác giả Lưu Cương³ cho rằng trong quan hệ Trung-Nhật có ba trở ngại lớn và muốn quan hệ này phát triển tốt đẹp thì phải khắc phục cả ba trở ngại đó. Thứ nhất là trở ngại mang tính tri giác, chỉ quan hệ có phản cảm và ác cảm với đối phương mỗi khi đối phương gây ra việc gì đó. Trở ngại này có nguồn gốc từ lịch sử. Thứ hai là trở ngại mang tính kết cấu,

¹ Robert A. Scalapino, *Phát biểu trước Ủy ban quan hệ quốc tế của Hạ viện Mỹ, ngày 17/ 3/ 2004*, An ninh Đông Á- Thái Bình Dương, Phòng thông tin- Văn hoá Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, tháng 5/ 2004

² *Tin tham khảo, Bản tin TTXVN, số 020-TTX, 30/ 1/ 2004*

³ Lưu Cương, *Quan hệ Trung- Nhật*, Tài liệu tham khảo đặc biệt, 13/ 7/ 2002.

chỉ việc cạnh tranh quyền lãnh đạo Đông Á. Thứ ba là trở ngại từ phía Mỹ, do Mỹ lợi dụng Nhật Bản kiềm chế Trung Quốc. Nét nổi bật trong quan hệ Trung-Nhật là vẫn còn thiếu lòng tin vào nhau.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy khó có thể xây dựng được sự tin tưởng trong quan hệ chính trị giữa hai nước Trung Quốc và Nhật Bản. Vấn đề Nhật Bản xâm lược và gây ra các tội ác đối với Trung Quốc trong Chiến tranh thế giới thứ hai luôn là vấn đề có thể gây căng thẳng trong quan hệ chính trị của hai bên. Vụ việc sách giáo khoa lịch sử của Nhật Bản hay việc người đứng đầu Nhà nước Nhật Bản đến viếng đền Yasukuni là nguyên nhân gây nên làn sóng bất bình và phản đối Nhật Bản ở Trung Quốc đã từ nhiều năm nay, đặc biệt là thời điểm hiện tại. Với tâm lý là nước lớn Trung Quốc kiên quyết không bỏ qua những hành động như vậy của Nhật Bản cho nên đã khai thác triệt để chúng, vừa gây sức ép với Nhật Bản vừa kiềm chế việc Nhật Bản muốn trở thành “một quốc gia bình thường” (ý nói có quân đội) và muốn trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc. Trung Quốc ngày càng chú ý đến lợi ích của Nhật Bản trong việc sửa đổi hiến pháp, đặc biệt là điều 9. Trên thực tế, việc sửa đổi đó của Nhật Bản đã được đặt ra công khai và chính thức khi cả ở hai viện của Quốc hội đã lập ra các Ủy ban nghiên cứu hiến pháp vào tháng 2/ 2000 và bản báo cáo cuối cùng về vấn đề này sẽ phải được đưa ra vào cuối năm 2005 này. Các động thái của Nhật Bản như nhanh chóng hiện đại hoá lực lượng vũ trang, gửi quân sang Irac... khiến Trung Quốc luôn phải cảnh giác với khả năng Nhật Bản sẽ mở rộng quân đội.

Thông tin gần đây nhất còn cho hay Nhật Bản và Mỹ đã đưa Đài Loan vào mục tiêu chiến lược chung của hai nước trong Tuyên bố chung ký ngày 20/2/2005. Chính người phát ngôn Bộ Ngoại giao Nhật Bản Takashima đã tuyên bố: “Nếu như Trung Quốc tấn công Đài Loan và quân Mỹ tham chiến thì Nhật Bản sẽ cung cấp hậu cần hỗ trợ quân Mỹ”⁴. Một chiến lược phong toả và ngăn chặn đối với Trung Quốc sẽ được Mỹ-Nhật triển khai một khi Trung Quốc chủ động gây ra xung đột ở eo biển Đài Loan. Việc hai nước Mỹ, Nhật lần đầu tiên công khai đưa Đài Loan vào phạm vi các mục tiêu chung của hai nước làm cho lòng tin của Trung Quốc và Nhật Bản với nhau càng thêm có vấn đề.

Sự phức tạp trong quan hệ Trung Quốc-Nhật Bản thể hiện ở chỗ Trung Quốc vừa muốn dùng Mỹ để kiềm chế Nhật Bản và chống Mỹ, Nhật cấu kết với nhau để kiềm chế Trung Quốc trong việc dùng vũ lực giải phóng Đài Loan. Đồng thời để quan hệ với Mỹ được vững chắc, Trung Quốc vẫn phải tìm cách để cải thiện quan hệ với Nhật Bản. Trung Quốc muốn tạo ra một tam giác đều trong quan hệ Trung-Nhật-Mỹ- một quan hệ tam giác cực kỳ quan trọng, có vai trò chi phối quyết định không chỉ trong khu vực Đông Bắc Á mà cả toàn bộ Châu Á-Thái Bình Dương.

Trung-Nhật mặc dù cạnh tranh nhau quyết liệt và có nhiều mâu thuẫn trong lĩnh vực chính trị song lại rất cần đến nhau về kinh tế. Sự phức tạp của mối quan hệ này được tạo ra còn bởi lợi ích của hai nước đan xen nhau, đầy mâu thuẫn, nhiều biến động, đều chịu tác động trực tiếp của nhân tố Mỹ. Nhận thức được tầm quan trọng của quan hệ

⁴ Tài liệu tham khảo đặc biệt, 6/ 4/ 2005, tr. 12.

giữa hai nước lớn của khu vực Đông Bắc Á có thể gây ảnh hưởng rất lớn đến thế cân bằng, ổn định trong khu vực, đến khả năng hình thành và tương lai phát triển của Cộng đồng kinh tế Đông Á, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã đưa ra 3 kiến nghị cho việc cải thiện quan hệ Trung-Nhật (1. Tích cực tạo điều kiện thúc đẩy thăm viếng lẫn nhau giữa lãnh đạo cấp cao hai nước; 2. Tăng cường nghiên cứu mang tính chiến lược về quan hệ hữu nghị Trung-Nhật, do cơ quan ngoại giao hai nước cùng tiến hành; 3. Xử lý thoả đáng vấn đề do lịch sử để lại), song tình trạng “nóng về kinh tế, lạnh về chính trị” giữa hai nước vẫn chưa có bước tiến triển nào khác hơn.

b. Quan hệ hai miền Nam- Bắc Triều Tiên

Chủ đề quan trọng nhất trong quan hệ chính trị của hai miền Nam- Bắc Triều Tiên cho đến nay là vấn đề thống nhất đất nước Triều Tiên. Vấn đề này đã được đặt ra trong kế hoạch của Ban lãnh đạo của cả hai miền. Chính Bắc Triều Tiên là bên chủ động đưa vấn đề này ra trước tiên khi Chủ Triều Tiên lần đầu tiên đưa ra phương án thống nhất gọi là “Phương án sáng lập nước Cộng hoà dân chủ liên bang Cao Ly” tại Đại hội VI của Đảng Lao động Triều Tiên năm 1980. Sau đó CHDCNDTT đã đưa ra nhiều sáng kiến nhằm thực hiện chính sách thống nhất, chẳng hạn như “Hội nghị hiệp thương chính trị Nam - Bắc”, “Bản cam kết cơ bản Nam - Bắc”, đồng thời tích cực đề nghị Hàn Quốc tiến hành tổ chức Hội nghị thượng đỉnh liên Triều. Trải qua một thời gian bị đình trệ, Hàn Quốc lại là phía chủ động đưa ra các đề nghị cải thiện quan hệ hai miền. Chính quyền của Tổng thống Kim Tae Jung đã tích cực thực hiện “Chính sách ánh dương” và thành công

đáng ghi nhận nhất là việc Hội nghị thượng đỉnh liên Triều đã được tổ chức thành công tháng 6 năm 2000. Tuy nhiên, sự thành công của chính sách Ánh dương của ông Kim Tae Jung còn phụ thuộc vào việc giải quyết rất nhiều vấn đề, trong đó có những vấn đề nổi cộm như vấn đề vũ khí hạt nhân của CHDCNDTT, vấn đề quân đội Mỹ đóng trên lãnh thổ Hàn Quốc, vấn đề quan hệ của CHDCNDTT với Mỹ, với Nhật Bản và vấn đề về nền kinh tế thị trường của nước này.

Nhìn chung, quá trình hoà giải, hợp tác, hoà bình tiến tới thống nhất trên bán đảo Triều Tiên là một quá trình phức tạp và lâu dài bởi vấn đề thống nhất Triều Tiên không chỉ phụ thuộc vào ý muốn của người Triều Tiên khi nơi đây là nơi đan xen quyền lợi, ảnh hưởng, vai trò của các nước lớn.

Nhìn lại diễn biến của quá trình xúc tiến việc thống nhất hai miền mới thấy quá trình này đã trải qua những lộ trình rất phức tạp, cam go. Mặc dù ngày 19/ 2/ 1992 hai miền đã ký kết và công bố “Bản cam kết cơ bản Nam- Bắc” với nội dung cam kết hoà giải, bất khả xâm phạm, giao lưu hợp tác và sau đó còn ký tiếp Bản công bố chung về một bán đảo Triều Tiên không có vũ khí hạt nhân, song từ tháng 3 năm 1993 CHDCNDTT lại thúc đẩy tăng cường vũ khí hạt nhân làm cho quan hệ hai miền Nam-Bắc Triều Tiên lại trở nên căng thẳng. Cuộc khủng hoảng hạt nhân lần thứ nhất tại bán đảo Triều Tiên được giải quyết sau khi Tổng thống Mỹ B. Clinton sang CHDCNDTT vào tháng 6/1994. Hiệp định giữa Mỹ và CHDCNDTT được ký kết có nội dung Bắc Triều Tiên dừng sản xuất vũ khí hạt nhân còn Mỹ giúp nước này xây dựng lò phản ứng nước nhẹ.

Cuộc khủng hoảng hạt nhân lần thứ hai trên bán đảo Triều Tiên diễn ra sau sự kiện Mỹ tuyên bố CHDCNDTT thuộc một trong số nước của “trục ma quỷ”, viện trợ, tiếp tay cho bọn khủng bố. Bất bình trước tuyên bố của Mỹ, CHDCNDTT đã tuyên bố rút khỏi Hiệp ước ký năm 1994, vận hành trở lại các cơ sở hạt nhân, tiếp tục xây dựng nhà máy điện nguyên tử, trục xuất thanh sát viên của Liên Hiệp Quốc. Tình hình căng thẳng trên bán đảo này từ năm 2002 đến nay đã khiến cho các dự án kinh tế nhằm phục vụ chính sách thống nhất hai miền bị bỏ dở, quan hệ hai miền tiến triển không đúng như mong đợi.

Có thể thấy rõ rằng từ thời điểm này trở đi vấn đề thống nhất Triều Tiên đã trở thành vấn đề quốc tế. Tình hình chính trị khu vực Đông Bắc Á với sự gia tăng các cuộc khủng hoảng hạt nhân như vậy đã càng tăng thêm độ phức tạp, khó phán đoán. Những cuộc khủng hoảng này cho thấy quan hệ đối đầu, căng thẳng vẫn chưa hoàn toàn được khắc phục trong khu vực này.

2. Quan hệ của các nước Đông Bắc Á với bên ngoài khu vực

Trong số các quan hệ thuộc loại này, những quan hệ có sức chi phối mạnh đến cục diện chính trị khu vực là quan hệ song phương Nhật-Mỹ, Trung-Mỹ và quan hệ 6 bên Mỹ-Nhật-Trung Quốc-Nga-hai miền Triều Tiên trong cơ chế đa phương.

a. Quan hệ Nhật-Mỹ:

Đây là quan hệ được xây dựng trên nền tảng một liên minh vững chắc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay. Nó được đánh giá là mối quan hệ chuyên nghiệp, chặt chẽ, lâu dài trong mọi ngành và ở mọi cấp. Cho dù có nảy sinh mâu thuẫn trong hợp tác kinh tế,

thương mại thì hợp tác an ninh của Nhật với Mỹ vẫn luôn luôn được đảm bảo và là trọng tâm chiến lược của hai bên.

Với việc ký kết Tuyên bố chung ngày 17/4/1996 và việc thông qua Phương châm chỉ đạo an ninh mới tháng 9/1997, liên minh Nhật-Mỹ đã được nâng lên một tầm cao mới của thời kỳ hậu chiến tranh lạnh. Hai nước Nhật, Mỹ coi việc tăng cường hợp tác an ninh với nhau trong thế kỷ XXI có tầm quan trọng đối với an ninh và phát triển kinh tế của cả khu vực chứ không chỉ là phục vụ cho lợi ích của riêng hai nước. Quan hệ an ninh song phương này đã chuyển đổi từ tính chất phòng thủ truyền thống sang tăng cường sự dính líu vào các vấn đề khu vực để bảo đảm an ninh quốc gia mỗi bên, bảo đảm cho lợi ích chiến lược của họ. Như bình luận của giới phân tích chính trị thì “Hiệp ước an ninh Nhật-Mỹ được nâng cấp chính là để đối phó với tình hình bất trắc có thể xảy ra trên bán đảo Triều Tiên, để răn đe Trung Quốc, ngăn Trung Quốc dùng quân sự giải phóng Đài Loan”⁵.

Xu hướng dân tộc chủ nghĩa đang nổi lên ở Nhật Bản với việc nước này hiện đang mong muốn nâng cao vai trò của mình trong cộng đồng quốc tế, ủng hộ sửa đổi Hiến pháp hoà bình, cho phép quân đội Nhật Bản có quyền hạn lớn hơn cũng như với việc mong muốn trở thành thành viên thường trực của Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc. Phía Mỹ bày tỏ công khai quan điểm của mình khi cho rằng “Mỹ có lý do để chấp nhận xu hướng mới này trong khi vẫn tham vấn cho Nhật Bản tránh các hành động cực đoan như vũ khí hạt

⁵ Phan Doãn Nam, *Quan hệ giữa các nước lớn sau chiến tranh lạnh*, T/c Nghiên cứu Quốc tế, Số 47, tr. 26.

nhân. Nhật Bản có thể trở thành một phần quan trọng của cán cân quyền lực châu Á. Hơn nữa, qua thời gian với cuộc cách mạng về quan hệ quân sự, quân đội Mỹ và các căn cứ hải ngoại sẽ giảm đi hoặc bị dỡ bỏ với mục tiêu mới là triển khai nhanh vũ khí hiện đại và sự ủng hộ của các đồng minh. Nhật Bản phải chuẩn bị để đóng vai trò đó⁶.

Về hành động của Nhật Bản trong việc ký Tuyên bố chung với Mỹ ngày 20/ 2/ 2005 đã có bình luận cho rằng để kịp thời đối phó với 3 ngôi nổ chiến tranh tiềm tàng ở Đông Á (Bán đảo Triều Tiên, hoạt động khủng bố trong khu vực eo biển Đài Loan) Mỹ cho rằng Nhật Bản phải trở thành căn cứ tiền tiêu của Mỹ ở Viễn Đông, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra, đồng thời Mỹ đưa ra ý tưởng biến các căn cứ và quân đội Mỹ đóng ở Nhật Bản thành một đầu mối quan trọng trong cả chuỗi phòng thủ⁷.

Tóm lại, quan hệ Nhật-Mỹ là quan hệ đồng minh bền chặt, gắn bó với nhau về các lợi ích kinh tế, chính trị và an ninh, được phát triển trong một cơ chế an ninh song phương rõ ràng trên cơ sở một Hiệp ước an ninh đã được ký trước đó. Ảnh hưởng của quan hệ chính trị-an ninh Nhật-Mỹ là rất lớn đối với khu vực Đông Bắc Á cũng như toàn bộ khu vực Đông Á và cả Châu Á-Thái Bình Dương. Hiện nay trong khu vực Đông Bắc Á chưa có quan hệ song phương nào khác vượt khỏi tầm gần bó của quan hệ đồng minh Nhật-Mỹ.

⁶ Robert A. Scalapino, *Các vấn đề an ninh Châu Á- Thái Bình Dương và chính sách của Hoa Kỳ*, trong tài liệu "An ninh Đông Á- Thái Bình Dương", Phòng Thông tin- Văn hoá Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam, tháng 5/ 2004, tr. 9.

⁷ Tài liệu tham khảo đặc biệt, ngày 6/ 4/ 2005, tr. 13.

b. Quan hệ Trung-Mỹ

Đây là mối quan hệ đặc biệt quan trọng không chỉ trong khu vực mà còn đang dần dần trở thành mối quan hệ mang tính toàn cầu. Khác với quan hệ Nhật-Mỹ là quan hệ đồng minh mang tính chuyên nghiệp và đã là truyền thống, quan hệ Trung-Mỹ rất phức tạp, được chuyển từ trạng thái đối đầu, đối địch thời kỳ chiến tranh lạnh sang trạng thái vừa hợp tác vừa đấu tranh, vừa can dự vừa kiềm chế ở giai đoạn hiện nay.

Có thể thấy thế mạnh của Trung Quốc là nằm trong sức mạnh tổng hợp đang ngày càng phát triển không ngừng, là thế của nước lớn nhất châu Á và của nước là thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên Hiệp Quốc.

Những thành công về kinh tế mà Trung Quốc đạt được nhờ chính sách mở cửa và hiện đại hoá trong những thập niên gần đây đã làm cho đất nước khổng lồ này càng khẳng định được vị thế của mình. GDP của Trung Quốc năm 2004 đạt 13.651,5 tỷ nhân dân tệ (tương đương với 1.665 tỷ USD). Hiện nay GDP của Trung Quốc đã vươn lên chiếm đến 13% GDP toàn cầu, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đạt 9% (của Mỹ là 4,5%)⁸.

Quan hệ Trung-Mỹ luôn trải qua những thăng trầm, dích dắc. Đầu thế kỷ mới khi chính quyền Bush mới lên thì ý tưởng về quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc từng được bàn luận đến thời kỳ Tổng thống B. Clinton đã bị gạt ra ngoài. Chính quyền Bush đã chủ trương thực hiện một chính sách khắt khe với Trung Quốc, coi Trung Quốc là đối thủ cạnh tranh và là mối đe dọa tiềm tàng đối với Mỹ ở Châu Á-Thái Bình Dương. Tuy nhiên, thái độ đó đã

⁸ *Kinh tế Thế giới*, Số 15/ 2005, ngày 10/ 4/ 2005, tr. 6

được thay đổi sau vụ đụng độ máy bay giữa hai bên vào tháng 4 năm 2001 và đặc biệt là sau sự kiện khủng bố ở Mỹ ngày 11/ 9/ 2001. Tổng thống Bush đã chủ trương xây dựng mối quan hệ mang tính xây dựng và hợp tác với Trung Quốc. Quan hệ Trung Quốc-Mỹ do đó đã được cải thiện rất nhiều.

Có thể thấy rõ một điều là Mỹ và Trung Quốc rất cần đến nhau. Trung Quốc cần từ Mỹ nhiều thứ như vốn, công nghệ, kỹ thuật, đồng thời Trung Quốc muốn hoá giải từng bước vòng vây của Mỹ. Còn Mỹ cần Trung Quốc ủng hộ chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, phối hợp với Mỹ về các vấn đề quốc tế và đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế, các quan hệ buôn bán, kinh doanh với Trung Quốc là mối lợi khổng lồ đối với Mỹ. Tuy cần đến nhau song hai nước cũng luôn có nhiều mâu thuẫn. Thế bao vây mà Mỹ tạo ra là ba vòng cung khép kín Trung Quốc (1. Đông Bắc Á-Đông Nam Á-Thái Bình Dương; 2. Ngoài khơi- Đảo Guam; 3. Hawaii). Mâu thuẫn đặc biệt phức tạp hiện nay là vấn đề Đài Loan. Như đã phân tích, Trung Quốc là nước lớn nên Trung Quốc không thể cam lòng chịu đựng cảnh đất nước vẫn chưa được thống nhất. Hơn nữa, Đài Loan còn có lợi ích chiến lược rất lớn đối với Trung Quốc, có được Đài Loan sẽ còn được sở hữu các loại vũ khí hiện đại của phương Tây cung cấp cho Đài Loan, mang lại cho lục địa Trung Quốc sức nặng kinh tế và tiềm năng kỹ thuật của hòn đảo đó. Chính vì thế, không để mất Đài Loan là vấn đề sống còn đối với các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Trong khi đó, việc thống nhất đất nước của Trung Quốc sẽ rất khó khăn một khi đứng đằng sau Đài Loan vẫn có Mỹ và cả Nhật Bản.

Với cơ sở phân tích như trên có thể khẳng định rằng, mặc dù có lúc hoà dịu

song quan hệ Trung- Mỹ vẫn luôn luôn chứa đựng các mâu thuẫn tiềm tàng. Giải quyết các mâu thuẫn đó như thế nào sẽ luôn tác động trực tiếp đến toàn bộ cục diện chính trị và an ninh của khu vực Đông Bắc Á cũng như toàn bộ khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

c. Quan hệ đa phương 6 bên

Hiện nay ở Đông Bắc Á đang nổi lên một quan hệ đa phương quan trọng với sự góp mặt của nhiều cường quốc như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Nga. Đó chính là cơ chế đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân của CHDCNDTT.

Đối với Mỹ, kế hoạch khôi phục và phát triển hạt nhân của CHDCNDTT từ cuối năm 2002 đến nay là động chạm đến lợi ích của Mỹ, cả trên quy mô toàn cầu lẫn trong khu vực, cả lợi ích chiến lược lẫn lợi ích an ninh. Do vậy, Mỹ đã kiên quyết không nhượng bộ trước các yêu cầu của CHDCNDTT, không chấp nhận đàm phán song phương. Mỹ coi vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên không còn đơn thuần là vấn đề song phương Mỹ-Bắc Triều Tiên mà là mối hiểm hoạ, đe doạ an ninh của cả khu vực và thế giới. Mỹ đòi hỏi phải đưa vấn đề này ra đàm phán, đối thoại đa phương, đòi đưa ra Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, ép buộc CHDCNDTT phải chấp nhận đàm phán đa phương.

Ngày 12/4/2003 CHDCNDTT tuyên bố chấp nhận đàm phán 3 bên và ngày 1/8/2003 chấp nhận đàm phán 6 bên. Cũng từ đây một cơ chế đa phương 6 bên đàm phán về các vấn đề an ninh và chính trị ở Đông Bắc Á đã được hình thành. Các nước tham gia cơ chế này bao gồm hai miền Triều Tiên và 4 cường quốc như đã nói ở trên. Cho đến nay 4 vòng đàm phán đa phương đã được triển khai. Lần thứ nhất là đàm phán 3 bên Mỹ - Trung Quốc - CHDCNDTT vào tháng

4/2003. Các cuộc đàm phán tiếp theo là 6 bên, trong đó vòng 1 diễn ra vào tháng 8/2003, vòng 2- tháng 2/ 2004, vòng 3- tháng 6/2004. Các kết quả đạt được còn rất hạn chế. Điều đáng nói nhất là các bên đều thừa nhận cần phi hạt nhân hoá trên bán đảo Triều Tiên và dùng biện pháp đối thoại hoà bình để giải quyết vấn đề này. Cản trở lớn nhất cho thành công của đàm phán chính là sự khác biệt sâu sắc trong quan điểm và thái độ nghi kỵ lẫn nhau, đặc biệt là giữa CHDCNDTT và Mỹ.

Cuộc đàm phán tiến triển rất khó khăn còn bởi ý đồ và lợi ích chiến lược của các bên rất khác nhau. CHDCNDTT muốn duy trì sự tồn tại của chính quyền hiện nay, không muốn nó bị sụp đổ vì lý do bên trong (thiếu lương thực, thiếu năng lượng...) hay lý do bên ngoài (sự can thiệp bằng quân sự của nước ngoài). Họ muốn có một sự cam kết chắc chắn từ phía Mỹ rằng an ninh của họ sẽ không bị xâm phạm. Hàn Quốc và Nhật Bản bị đe dọa an ninh trực tiếp một khi CHDCNDTT sử dụng vũ khí hạt nhân bởi hai nước này đều là đồng minh của Mỹ, đều để cho Mỹ đóng căn cứ quân sự trên lãnh thổ của mình. Còn Trung Quốc và Nga đều có ảnh hưởng đối với CHDCNDTT, lại là hai nước lớn của khu vực Đông Bắc Á có biên giới chung với nước này. Việc giữ nguyên trạng trên bán đảo Triều Tiên là mong muốn của cả hai nước này (và thậm chí của cả Nhật Bản) bởi một nước Triều Tiên thống nhất, hùng mạnh và thân Mỹ sẽ là yếu tố bất lợi về an ninh cho các nước nói trên. Trung Quốc nhận thức rằng nếu họ bị mất đi vị trí đặc biệt hoặc ảnh hưởng đặc biệt của mình đối với Bắc Triều tiên tức là họ sẽ rơi vào trạng thái bị động và giảm vai trò của mình ở Đông Bắc Á nên Trung Quốc đã giữ vai trò rất tích

cực trong đàm phán về vấn đề Bắc Triều Tiên.

Tóm lại, mặc dù cơ chế đối thoại 6 bên đã được lập ra song do mỗi thành viên đều có toan tính và lợi ích khác nhau nên vẫn chưa đi đến được một chương trình thống nhất để hành động. Dư luận khu vực và thế giới đều lo ngại về vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên, không tán thành việc CHDCNDTT rút khỏi Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân và đều mong muốn một bán đảo Triều Tiên phi hạt nhân. Có thể khẳng định rằng “giải quyết khủng hoảng hạt nhân của Bắc Triều Tiên hiện nay không chỉ dựa vào việc xua tan những bất đồng cụ thể về vấn đề vũ khí hạt nhân mà cần phải giải quyết được nguồn gốc sinh ra vấn đề đó, đồng thời phải giải quyết quan hệ giữa các nước lớn xung quanh vấn đề hạt nhân, vấn đề an ninh và thúc đẩy hợp tác khu vực”⁹.

Có lẽ nền tảng để tạo ra được thành công cho một cơ chế đa phương trước hết vẫn là phải xây dựng lòng tin với nhau. Thiếu lòng tin sẽ không thể đi đến sự nhất trí, thống nhất trong quan điểm và thiếu sự thống nhất trong quan điểm sẽ không thể tạo ra được cơ chế chung để cùng hành động. Ở Đông Bắc Á, vấn đề này đang nổi lên rõ nhất.

⁹ Lê Thị Thu, *Khủng hoảng hạt nhân lần thứ hai trên bán đảo Triều Tiên và quan hệ Mỹ-Triều*, T/c Nghiên cứu châu Mỹ ngày nay, Số 9/ 2004, tr. 52